CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn HSV Việt Nam

Ngày 30/06/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.0%	**-2.6%**	**-2.6%**

DT thuần
Q2/25
464
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 174| 59.9%
YoY: ▲ 207| 80.4%

LN thuần
Q2/25
1.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.26| 18.3%
YoY: ▲ 1.18| 228%

LN sau thuế
Q2/25
1.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.78| 69.7%
YoY: ▲ 1.42| 296%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1.4%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE (TTM)
Q2/25
3.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

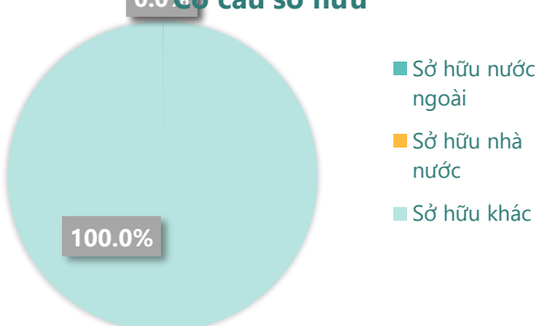
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,400 - 5,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	15,749,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,145
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.01
EPS	363
P/E	10.5

DT thuần
6T 2025
753
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 337| 81.1%

LN thuần
6T 2025
3.14
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.46| 87.2%

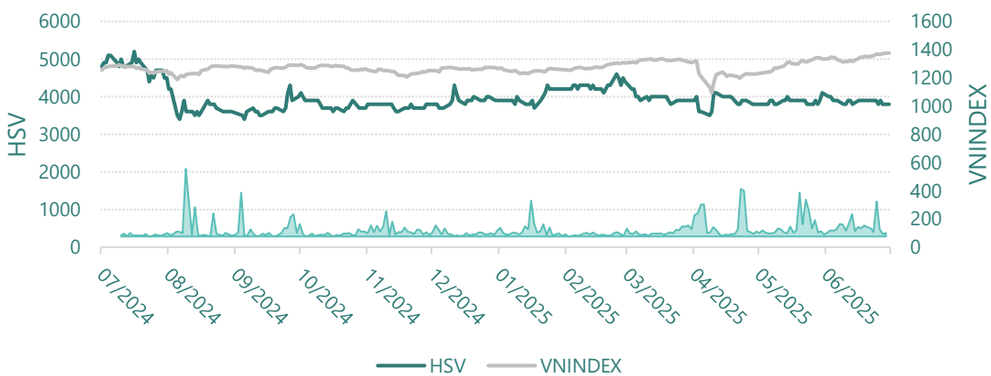
LN sau thuế
6T 2025
3.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.64| 120%

Cơ cấu sở hữu

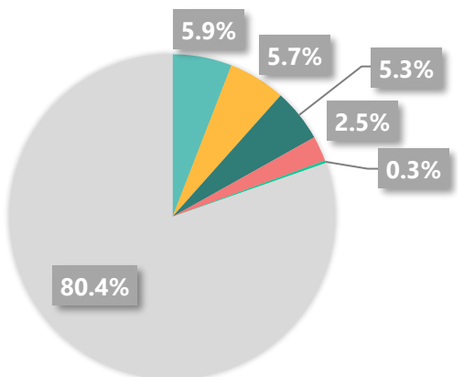


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

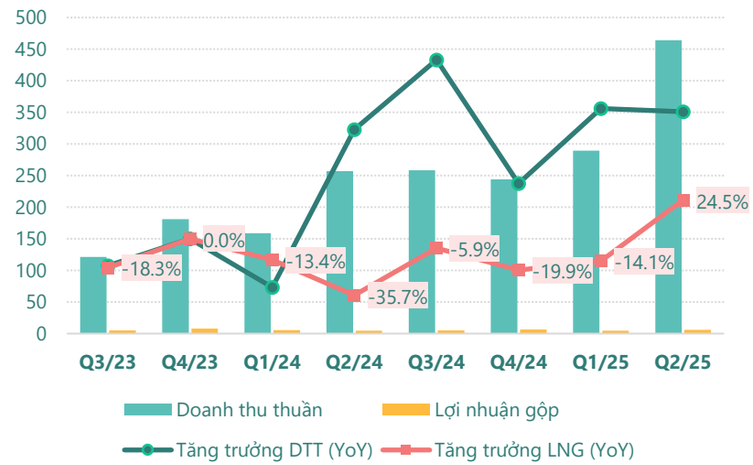


- Nguyễn Hồng Tảo
- Lê Thị Hằng
- Nguyễn Văn Quân (Tổng giám đốc)
- Đặng Phạm Ý Mỹ
- Nguyễn Mậu Hoàng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

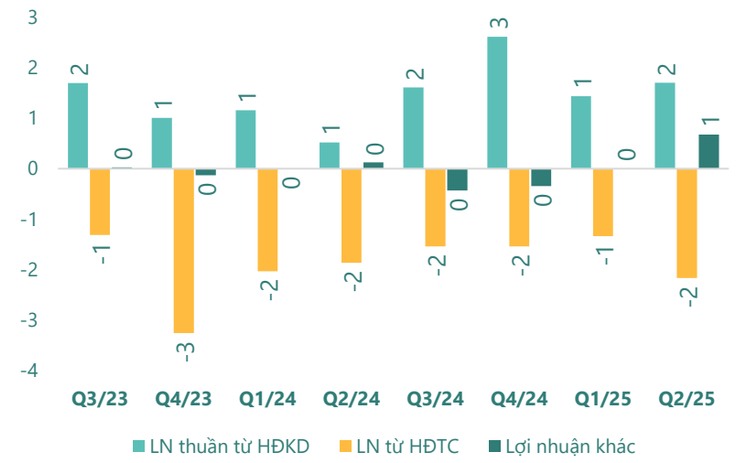
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



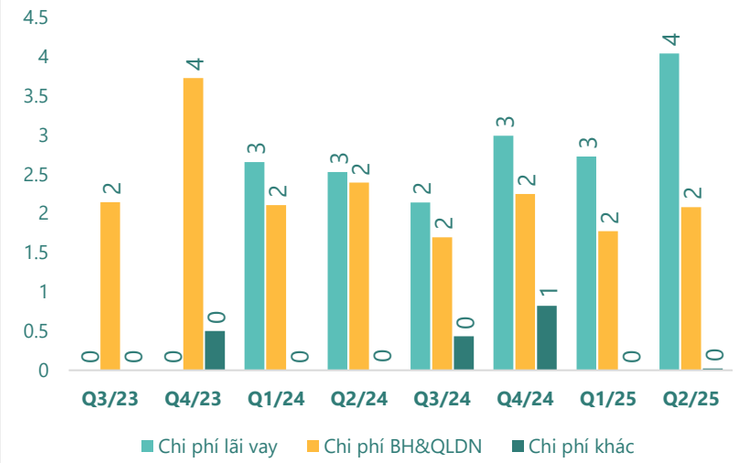
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



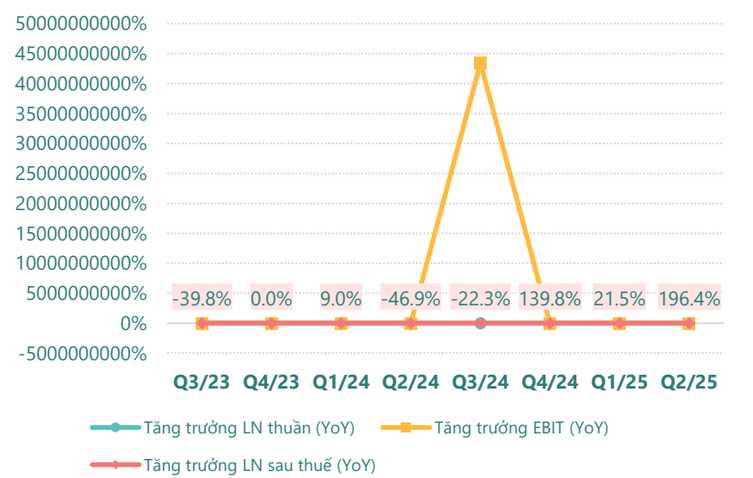
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



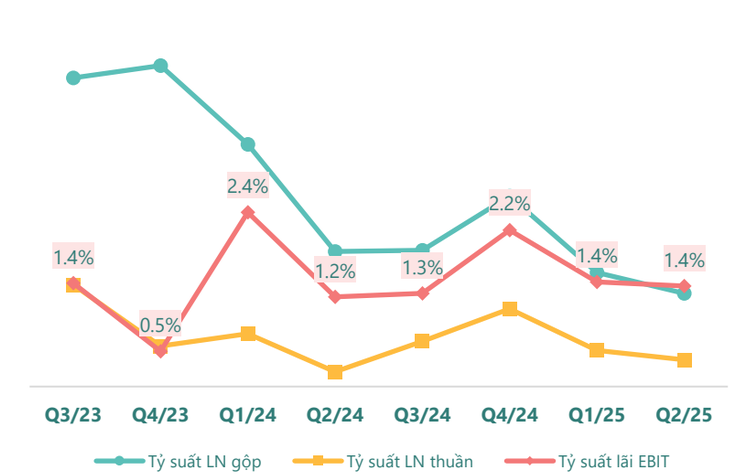
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



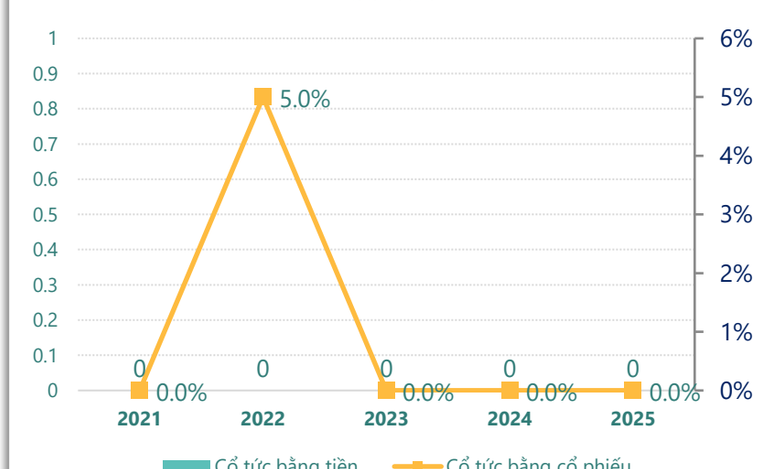
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

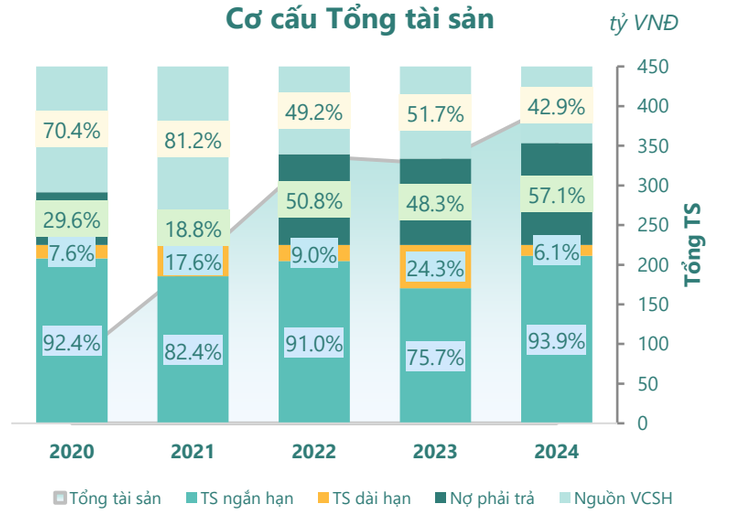
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

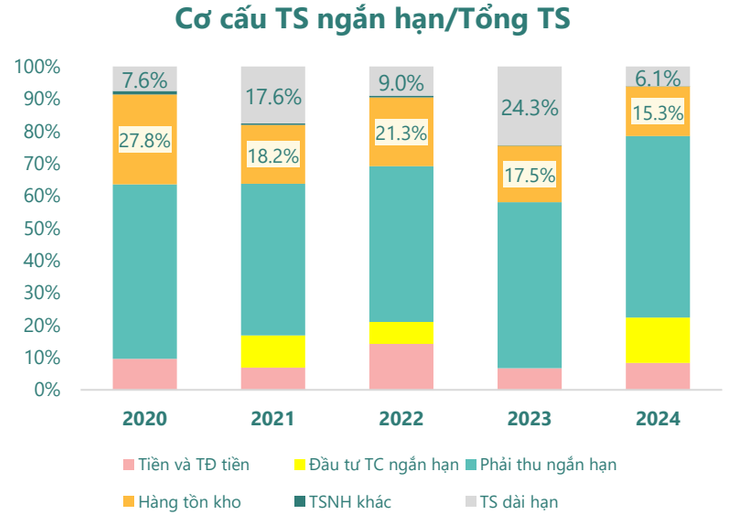
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



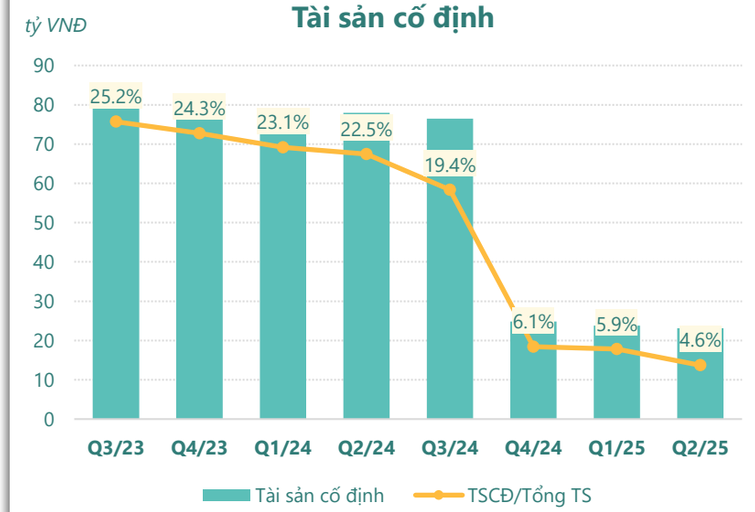
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



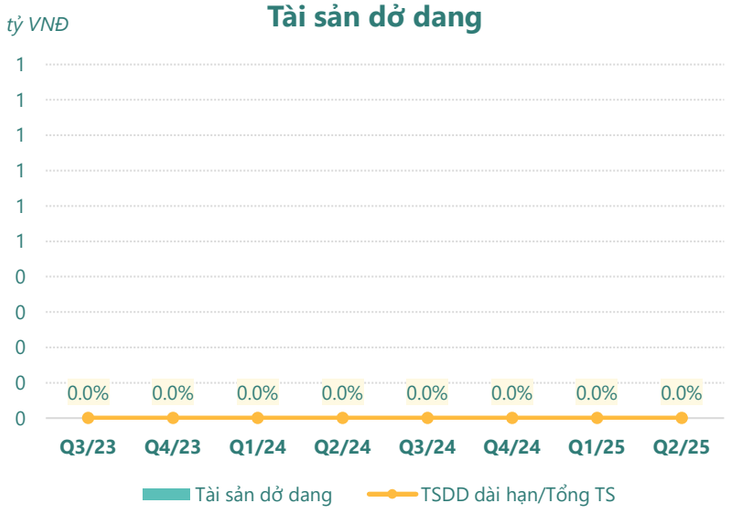
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



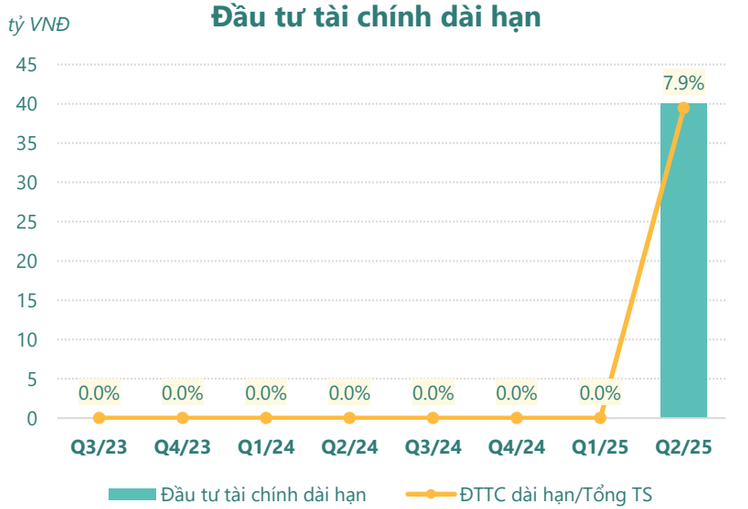
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



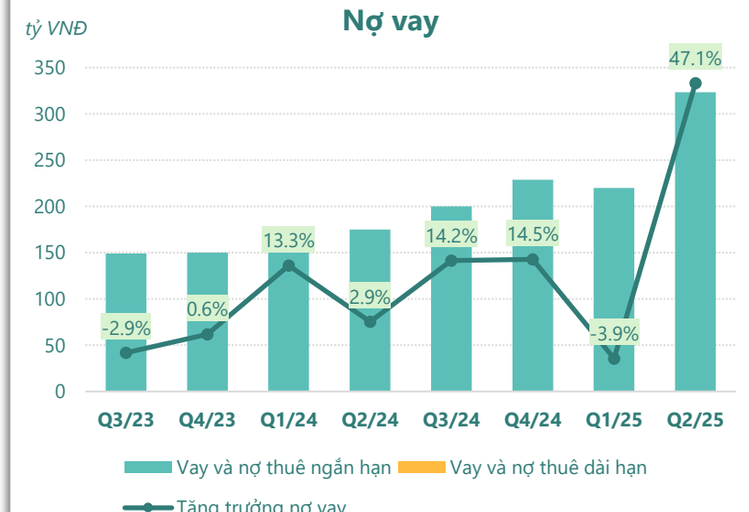
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

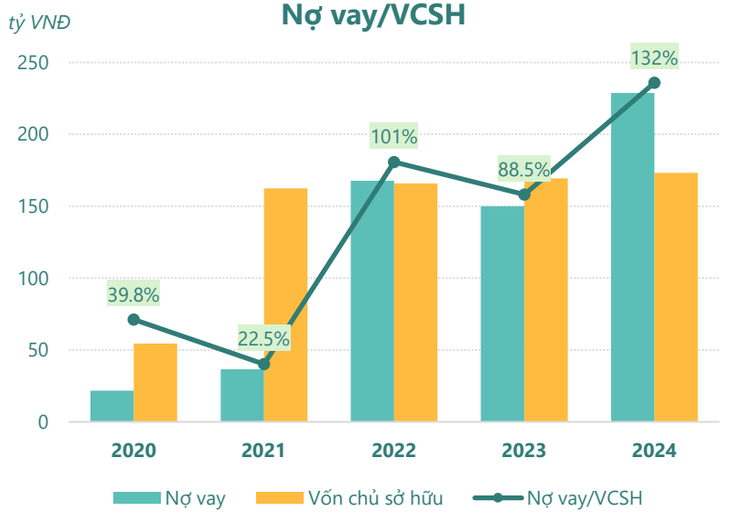
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

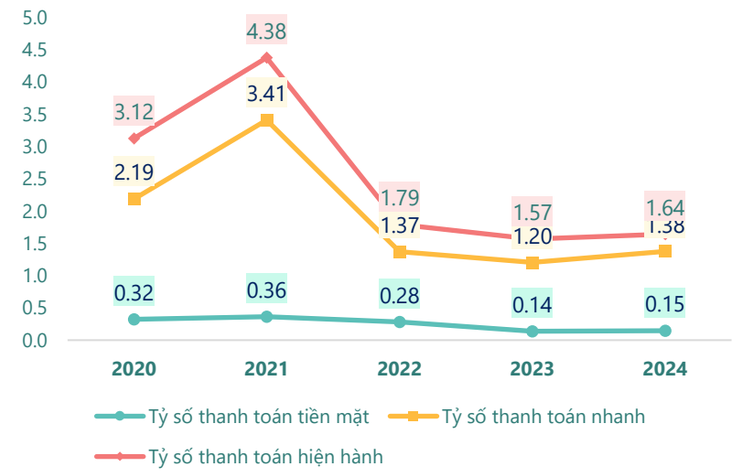
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



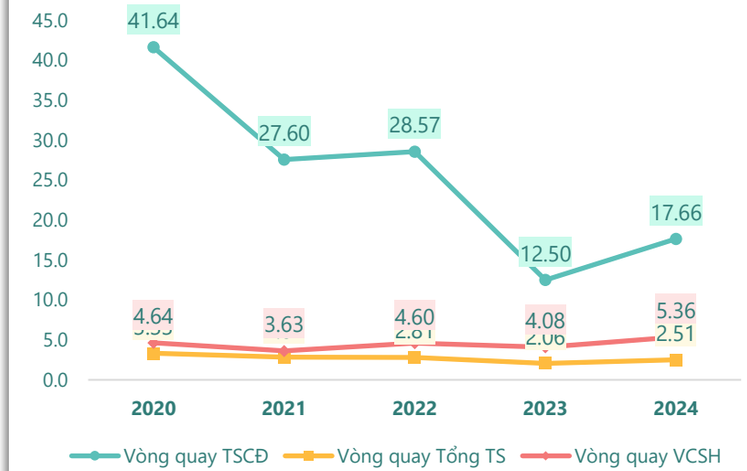
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



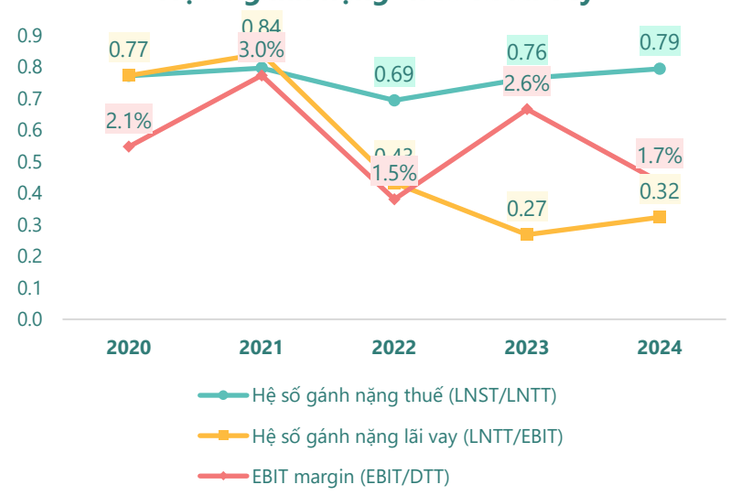
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



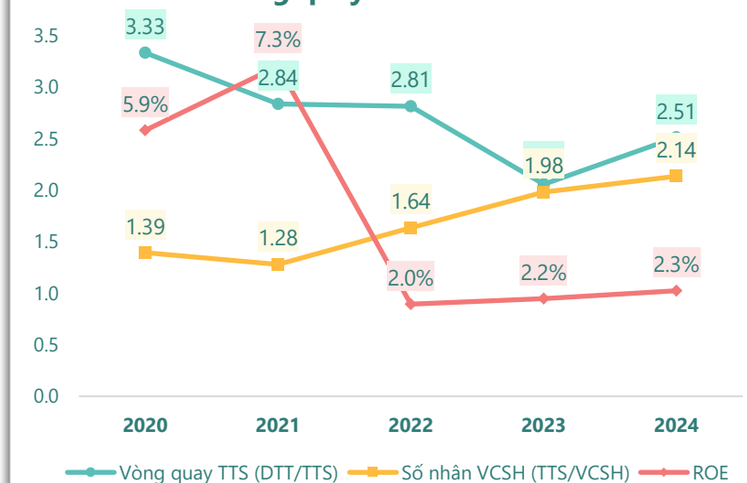
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



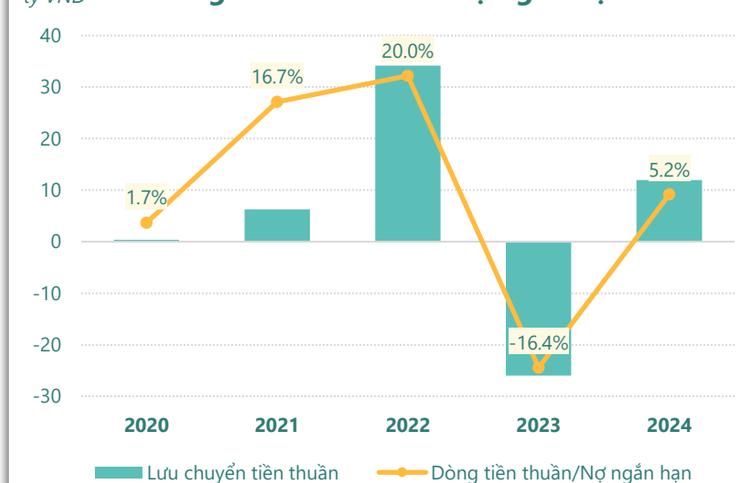
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**464**	**257**	**80.4%**	**753**	**416**	**81.1%**
Giá vốn hàng bán	458	252	81.7%	743	406	83.1%
Lợi nhuận gộp	5.95	4.78	24.5%	10.5	10.1	4.2%
Doanh thu HĐTC	1.87	1.19	57.5%	3.27	1.80	80.9%
Chi phí TC	4.04	3.05	32.5%	6.77	5.70	18.7%
Chi phí lãi vay	4.04	2.53	59.7%	6.77	5.18	30.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.30	0.38	-21.7%	0.53	0.59	-10.0%
Chi phí QLDN	**1.78**	**2.01**	**-11.2%**	**3.32**	**3.91**	**-15.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.70	0.52	228%	3.14	1.68	87.2%
Lợi nhuận khác	**0.68**	**0.12**	**466%**	**0.68**	**0.12**	**452%**
LN trước thuế	2.38	0.65	267%	3.82	1.80	112%
Lợi nhuận sau thuế	**1.90**	**0.48**	**296%**	**3.02**	**1.38**	**120%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.90**	**0.48**	**296%**	**3.02**	**1.38**	**120%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.7	-15.6	7.40	-36.9	-6.68	-2.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.5	12.8	-26.1	42.7	-1.97	-72.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.0	4.98	24.5	29.4	-8.92	104
Tiền đầu kỳ	21.9	10.7	12.8	18.6	33.8	16.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.2**	**2.15**	**5.79**	**35.2**	**-17.6**	**28.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.7	12.8	18.6	53.8	16.2	44.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**507**	**404**	**25.5%**
Tài sản ngắn hạn	425	379	12.1%
Tiền và tương đương tiền	44.6	33.8	32.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.2	56.6	46.9%
Phải thu ngắn hạn	217	227	-4.3%
Hàng tồn kho	79.3	61.8	28.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.93	0.22	318%
Tài sản dài hạn	**81.7**	**24.7**	**231%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.1	24.5	-5.6%
Bất động sản đầu tư	18.5	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.11**	**0.20**	**-48.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	331	231	43.3%
Nợ ngắn hạn	**331**	**231**	**43.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	323	229	41.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.01	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**176**	**173**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**176**	**173**	**1.7%**
Vốn điều lệ	157	157	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)